

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Tha

Ông Nguyễn Lơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã N1, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Vũ Tuyết Nh trình bày: Bà và ông Trần Quốc H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 năm 1998.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên kinh cãi nhau, nguyên nhân là do ông H thường uống rượu say rồi về đánh đập vợ con, đập phá tài sản trong nhà, ghen tuông bóng gió và có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự của bà. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà nhận thấy không

còn tình cảm với ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Trần Kim Y, sinh năm 1999 và Trần Hữu P, sinh ngày 12/6/2007. Cháu Y đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Hữu P, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần Quốc H trình bày: Ông và bà Đặng Vũ Tuyết Nh tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có sự nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau Nh mâu thuẫn đó không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay bà Nh yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Giữa ông và bà Nh có hai con chung là Trần Kim Y, sinh năm 1999 và Trần Hữu P, sinh ngày 12/6/2007. Cháu Y đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P, nếu cháu P có nguyện vọng ở với ông thì ông chịu trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Nh cấp dưỡng nuôi con; nếu cháu P có nguyện vọng ở với bà Nh thì ông đồng ý giao cháu P cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Trần Kim Y, Trần Hữu P; bản photo chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Trần Quốc H, Đặng Vũ Tuyết Nh; biên bản lấy lời khai Trần Quốc H, Đặng Vũ Tuyết Nh, cháu Trần Hữu P; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Quốc H và bà Đặng Vũ Tuyết Nh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đặng Vũ Tuyết Nh được ly hôn với ông Trần Quốc H; về con chung: Cháu Trần Kim Y đã trưởng thành nên không xem xét; giao cháu Trần Hữu P, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2007 cho bà Đặng Vũ Tuyết Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh và ông Trần Quốc H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Trần Quốc H cư trú tại thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh và ông Trần Quốc H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 04 tháng 5 năm 1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà Nh và ông H phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng có sự nghi ngờ, không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập nhau, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Bà Nh xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn với ông H. Bị đơn ông Trần Quốc H mặc dù có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp hòa giải, phiên tòa thì vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ ông H có thái độ bỏ mặc, không còn thiện chí muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà Nh. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà Nh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh và ông Trần Quốc H có 02 con chung là Trần Kim Y, sinh năm 1999 và Trần Hữu P, sinh ngày 12/6/2007.

Cháu Y đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Hữu P, cháu P có nguyện vọng được sống chung với bà Nh, ông H cũng đồng ý giao con cho bà Nh nuôi dưỡng nếu cháu P có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, yêu cầu của bà Nh về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nh không yêu cầu.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh và ông Trần Quốc H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh được ly hôn ông Trần Quốc H.

2. Về con chung:

Cháu Trần Kim Y, sinh năm 1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Hữu P, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2007 cho bà Đặng Vũ Tuyết Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh và ông Trần Quốc H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đặng Vũ Tuyết Nh phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009401 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà Đặng Vũ Tuyết Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N1 (GCNKH số 20 ngày 04/5/1998);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Quỳnh Trang